TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 174/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26/02/2018.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Dương Văn Hai.
- Ông Nguyễn Văn Chót.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2017/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2018/QĐST –HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1990, địa chỉ: 266/1 ấp TTQB, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Lê Minh T, sinh năm: 1992, địa chỉ: 142/1 ấp AK, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 2015 chị và anh Lê Minh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/7/2015. Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 28/02/2016. Anh, chị không có tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân chị xin ly hôn là do trong thời gian chung sống anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho chị và con chung. Do đó anh, chị bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi

nhau và anh, chị không còn sống chung từ tháng 6/2017 âm lịch cho đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với Lê Minh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 28/02/2016, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Lê Minh T trình bày:

Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị P trình bày.

Nguyên nhân chị P xin ly hôn với anh là do trong thời gian chung sống anh thường xuyên đi làm ăn xa nên chị P đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2017 âm lịch cho đến nay. Anh có nhiều lần hàn gắn với chị P nhưng chị P không đồng ý. Qua yêu cầu của chị P thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của chị P, anh T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: trong thời gian chung sống chị P, anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lê Minh T có sinh sống và đăng ký hộ khẩu 142/1 ấp AK, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị P và anh Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/7/2015. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị P và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị P xin ly hôn với anh T là do trong thời gian chung sống anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho chị và con chung. Xét thấy: Từ tháng 6/2017 cho đến nay chị P, anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, anh T biết rõ chị P có yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị P, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp. Do chị Nguyễn Thị P và anh Lê Minh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị P và anh Lê Minh T có 01 con chung Lê Thành Đ, sinh ngày 28/02/2016. Xét thấy: từ khi chị P, anh T không còn sống chung con chung do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó cần giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Lê Minh T.

Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Minh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 28/02/2016. Do chị Nguyễn Thị P không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Lê Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị P và anh Lê Minh T có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị P phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012064 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Mỹ An;
- Lưu.